UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN

Biểu mẫu 6.2

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 187/QĐ -MNQT ngày 01/10/2024 của trường MN Quốc Tuấn)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Học phí (nếu có)**	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu: NT: 92.000 đồng/cháu/tháng; MG: 85.000đồng/cháu/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm: (52 cháu x 92.000 đồng x 9 tháng) + (358 cháu x 85.000 đồng x 9 tháng)	316.926.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	316.926.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	316.926.000
1.6	Số chi trong năm	316.926.000
	Trong đó: - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	316.926.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
2.1	**Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7**	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.1.2	Mức thu: 50.000 đồng/cháu/ngày	
2.1.3	Tổng số thu trong năm (120 cháu x 200.000đ/tháng x 9 tháng)	216.000.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	216.000.000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	216.000.000
2.1.6	Số chi trong năm	216.000.000
	Trong đó: - Chi tiền công, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc trẻ vào ngày thứ 7	211.680.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: Nộp 2% thuế	4.320.000
2.1.7	Số dư cuối năm	0
	.....	
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**	
3.1	**Tài trợ vận động cho giáo dục**	0
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	

[1] Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

Scanned with CamScanner

TT	Nội dung	Dự toán
3.1.6	Số dư cuối năm	0
	.....	
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
4.1.	**Tiền hỗ trợ người nấu ăn, công tác quản lý**	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.1.2	Mức thu: 120.000 đồng/cháu/tháng (Trong đó: Trẻ đi học từ 10 ngày trở xuống thu 8.000đ/ngày; trẻ học từ 11 ngày trở lên thu cả tháng)	
4.1.3	Tổng số thu trong năm: 330 cháu x 120.000 đồng/tháng x 9 tháng	356.400.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	356.400.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	356.400.000
4.1.6	Số chi trong năm	356.400.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	349.272.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	7.128.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
4.1.7	Số dư cuối năm	0
4.2.	**Thu quản lý trẻ ngoài giờ hành chính**	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.2.2	Mức thu: 10.000 đồng/cháu/ngày (5000đ/giờ, 1 ngày = 2 giờ từ 11h30'-13h30')	
4.2.3	Tổng số thu trong năm (330 cháu x 10.000đ/ngày x 22 ngày x 9 tháng)	653.400.000
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	653.400.000
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	653.400.000
4.2.6	Số chi trong năm	653.400.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia, công tác quản lý:	640.332.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	13.068.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
4.2.7	Số dư cuối năm	0
	.....	
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*	
5.1	**Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài**	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	2.747.030
5.1.2	Mức thu: 27.500 đồng/tiết	
5.1.3	Tổng số thu trong năm (130 cháu x 27.500 đồng/ tiết x 8 tiết/tháng x 9 tháng)	257.400.000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	260.147.030
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	260.147.030
5.1.6	Số chi trong năm	260.147.030
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy: 85%	218.790.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất: 1,7%	7.122.830
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo: 5%	12.870.000
	- Chi hỗ trợ giáo viên: 8%	20.592.000
	- Chi nộp thuế: 0,3%	772.200
5.1.7	Số dư cuối năm	0
	.....	

Scanned with CamScanner Đu§c quét b

6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, ...** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
6.1	**Tiền ăn bán trú (bao gồm cả tiền chất đốt)**	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu: 25.000 đồng/cháu/ngày (Trong đó: Tiền ăn: 23.000đ/ngày; chất đốt: 2.000đ/ngày)	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Tổng chi	
6.1.5	Dư	
6.1	**Tiền phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh**	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu: (Trẻ mới tuyển: 360.000 đồng/cháu/tháng; Trẻ cũ: 200.000 đồng/ cháu/tháng)	
6.1.3	Tổng thu: (Trẻ cũ: 261 cháu x 200.000đ/cháu/năm; Cháu mới: 119 cháu x 360.000 đồng/cháu/tháng)	95.040.000
6.1.4	Tổng chi	95.040.000
6.1.5	Dư	0
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	**Chi sự nghiệp .....**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi quản lý hành chính**	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	.....	

Scanned with CamScanner

B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
II	**Nguồn viện trợ**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	.....	
C	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

Quốc Tuấn, ngày 01 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Phùng Thị Giờn

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN

HIỆU TRƯỞNG

Lê Chí Cúc

Scanned with CamScanner Đu§c quét b